ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 123 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 20 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 110/BQLDA-KT ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 13/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ" (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC - Cơ sở 1 *(trả kết quả)*;
- UBND xã Quỳnh Phụ;
- BQL dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Lưu: VT, KT2[Thìn].

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
20/01/2026 08:39:29

Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ" tại xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 123 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quỳnh Phụ.

- Địa chỉ: Số 86, đường Nguyễn Quang Cáp, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư với tổng diện tích đất là 100.513,8 m^2, bao gồm: Đất xây dựng nhà ở thấp tầng dạng nhà ở liền kề: 39.904,4 m^2 (337 lô); đất nhà văn hóa diện tích 300 m^2; đất cây xanh sử dụng công cộng: 8.222,2 m^2; đất giao thông: 45.681,7 m^2; đất bãi đỗ xe: 2.681,5 m^2; đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: 3.027,2 m^2, gồm: Đất xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung: 450 m^2, đất khe hạ tầng: 2.577,2 m^2; đất nghĩa trang giữ lại 696,8 m^2 ; quy mô dân số khoảng 1.400 người.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động: Đền bù giải phóng mặt bằng, di dời mồ mả, đường điện; khai thác vật liệu phục vụ san nền, thi công xây dựng; thi công xây dựng nhà ở riêng lẻ của dân cư và nhà văn hóa.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- San nền.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, cụ thể:

+ Đường tỉnh ĐT.396B phía Bắc khu đất có bề rộng 42m, bao gồm lòng đường rộng 12,0m, vỉa hè và lưu không mỗi bên rộng 15,0m (15,0m+12,0m +15,0m).

+ Đường gom bố trí song song với tuyến đường ĐT.396B và nằm ngoài hành lang tuyến đường tỉnh ĐT.396B, bao gồm: Lòng đường rộng 10,5(m), vỉa hè phía lưu không đường tỉnh ĐT.396B rộng 1,0(m), vỉa hè phía đất ở mới rộng khoảng 5,0m (1,0m+10,5m+5,0m).

+ Xây dựng đường số 1, số 4, số 8 có bề rộng 20,5m, bao gồm lòng đường rộng 10,5(m), vỉa hè mỗi bên rộng 5,0(m), mặt cắt (5,0m+10,5m+5,0m).

+ Xây dựng đường số 2, số 3, số 5, số 6 và số 9 có bề rộng 15,5m, bao gồm

lòng đường rộng 7,5(m), vỉa hè mỗi bên rộng 4,0(m), mặt cắt (4,0m+7,5m+4,0m).

+ Xây dựng đường số 7 có bề rộng 13,5m, bao gồm lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè phía đất ở mới rộng khoảng 4,0m, vỉa hè phía còn lại rộng 2,0m, mặt cắt (4,0m+7,5m+2,0m).

- Đầu tư xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, gồm: Hệ thống cấp nước sạch kết hợp phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và xử lý khí thải, mùi hôi thối từ trạm xử lý nước thải, trồng cây xanh, hệ thống thông tin liên lạc, tường chắn.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi 78.302,2 m^2 đất trồng lúa 2 vụ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải hoạt động san lấp mặt bằng, bóc tầng đất hữu cơ bề mặt, nạo vét kênh mương, thu dọn rác thải, phát quang và thu dọn mặt bằng; nạo vét kênh mương; vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân, mùi từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải; nước thải từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư, nhà văn hóa; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tổng lượng nước thải phát sinh từ công trường thi công xây dựng khoảng 21,6 m^3/ngày đêm, bao gồm:

+ Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 4,8 m^3/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5, COD, TSS, Sunfua, Amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Phốt pho, tổng Coliform, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

+ Nước thải từ quá trình rửa xe, vận chuyển vật liệu xây dựng ra vào công trường khoảng 13,8 m^3/ngày đêm; nước thải từ quá trình rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công khoảng 3,0 m^3/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, Dầu mỡ,...

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ gia đình, nhà văn hóa, trạm xử lý nước thải tập trung thuộc dự án với lưu lượng khoảng 183,5 m^3/ngày đêm và nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án khu dân cư Lương Cụ Bắc với lưu lượng khoảng 104 m^3/ngày đêm, được thu gom và chuyển sang trạm xử lý nước thải tập trung tại dự án để xử lý. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD_5, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốtpho, Tổng Coliform, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt,…

3.1.2. Bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình san nền, thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO_2, CO, NO_x,...

- Giai đoạn vận hành:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_2, SO_2,…

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải, tập kết chất thải rắn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Amoniac và các hợp chất amoni, Hydro sunfua (H_2S) và Metyl mercaptan (CH_3SH).

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 96 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, nhà văn hóa, khu vực công cộng, trạm xử lý nước thải khoảng 1.368,4 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: Bao bì, giấy, vỏ chai lọ, hộp thức ăn, thức ăn thừa..

3.2.2. Chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Đất hữu cơ bề mặt phát sinh khoảng 14.295,08 m^3; bùn nạo vét kênh mương khoảng 3.356,21 m^3; sinh khối thực vật khi phát quang mặt bằng khoảng 7,83 tấn; phế thải xây dựng từ hoạt động phá dỡ các công trình trên đất khoảng 1,5 tấn; phế thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 51,1 kg/ngày, thành phần chủ yếu: Bê tông, gạch vỡ, vỏ bao xi măng, đầu mẩu sắt, thép,...

- Giai đoạn vận hành: Bùn thải nạo vét từ các hố ga hệ thống thoát nước mưa khoảng 270,3 kg/tháng, bùn thải nạo vét từ các hố ga hệ thống thoát nước

thải khoảng 216 kg/tháng, bùn thải từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 2.373,6 kg/tháng và bùn thải từ bể tự hoại khoảng 6.855 kg/tháng.

3.2.3. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải phải kiểm soát phát sinh khoảng 118,76 kg/tháng, gồm: Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải; sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có thành phần nguy hại;

+ Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 7,65 kg/tháng, gồm: Các loại dầu mỡ thải.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải phải kiểm soát phát sinh khoảng 15,85 kg/tháng từ hoạt động của các hộ gia đình và khoảng 6,0 kg/tháng từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung, gồm: Hộp mực in thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có linh kiện điện tử.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các hộ gia đình khoảng 14,21 kg/tháng và khoảng 3,0 kg/tháng từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung, gồm: Các loại pin, ắc quy thải, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các liên kiện điện tử và dầu mỡ thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ thi công xây dựng và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn, rung động từ hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân, hoạt động của trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải tại trạm xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải từ khu vực rửa xe, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom, xử lý bằng hố lắng bùn, cát và qua lưới lọc chuyên dụng tách dầu mỡ. Nước thải sau đó tái sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng.

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tách riêng hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ Hệ thống thoát nước mưa gồm: Cống bê tông cốt thép đường kính D600mm, tải trọng VH dài khoảng 1.418,47 m, cống bê tông cốt thép đường kính D600 mm, tải trọng HL93 dài khoảng 243,06m, cống bê tông cốt thép đường kính D800mm, tải trọng VH dài khoảng 898,18 m, cống bê tông cốt thép đường kính D800 mm, tải trọng HL93 dài khoảng 275,92mvà khoảng 122hố ga thoát nước mưa thăm thu kết hợp, 57 hố ga thu nước trực tiếp, 3 cửa xả D800.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công trình được thu gom bằng ống HDPE D300 dài khoảng 1.693m, ống HDPE D400 dài khoảng 293m và khoảng 73 hố ga các loại. Nước thải sinh hoạt từ hố xí, chậu tiểu của các hộ gia đình, nhà văn hóa được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại của từng hộ dân, nhà văn hóa, sau đó cùng với nước thải thoát sàn được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 375 m^3/ngày đêm, xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, Bảng 1, cột A, F ≤ 2.000 m^3/ngày đêm.

+ Trạm xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư Lương Cụ Bắc được thu gom, tự chảy sang trạm xử lý nước thải tập trung tại khu dân cư Quỳnh Hồng. Trạm xử lý nước thải được thiết kế gồm 01 module, riêng các bể xử lý sinh học từ bể thiếu khí →bể hiếu khí + giá thể MBBR được thiết kế gồm 2 dãy bể (2 line) hoạt động song song và có công suất xử lý bằng nhau (187,5 m^3/ngày đêm).

Công nghệ xử lý: Sử dụng công nghệ xử lý nước thải AO (xử lý thiếu khí, hiếu khí), có sử dụng giá thể chuyển động MBBR tại bể hiếu khí, kết hợp xử lý hoá lý phía sau bể lắng sinh học

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Hệ thống thu gom nước thải → Bể thu gom nước thải → Bể lắng cặn, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + MBBR → Bể lắng sinh học → Bể trộn hóa chất → Bể phản ứng hóa chất → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Đạt QCVN 14:2025/BTNMT, Bảng 1, cột A, F ≤ 2000 m^3/ngày đêm→ Kênh Hải Vân Lương, toạ độ: $X_{(m)}$ = 2285953,8403; $Y_{(m)}$ = 586338,6037 *(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°).*

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý trước khi tái sử dụng cho thi công xây dựng, rửa xe cộ ra vào và phun ẩm bề mặt công trường giảm thiểu bụi.

+ Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 375m^3/ngàyđêm để xử lý đạt xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, Bảng 1, cột A, F ≤ 2000 m^3/ngày đêmtrước khi xả ra điểm tiếp nhận. Không được phép xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

+ Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm trạm xử lý nước thải luôn vận hành bình thường.

+ Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng hàng rào che chắn xung quanh khu vực thi công, che chắn thùng chứa của các phương tiện vận chuyển, phun ẩm giảm thiểu bụi phát sinh; sử dụng phương tiện được đăng kiểm; tăng cường công tác vệ sinh phương tiện, phun rửa sạch các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, sử dụng máy hút bụi khi trải nhựa alphaslt bề mặt đường, tăng cường công tác dọn vệ sinh môi trường trên công trường.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh bảo đảm diện tích theo quy hoạch; tăng cường công tác vệ sinh môi trường hàng ngày, tuyên truyền nhân dân giữ gìn vệ sinh chung, đổ rác đúng giờ và đúng nơi quy định. Xây dựng trạm xử lý nước thải kín, có quy trình công nghệ phù hợp, đã được thẩm định. Quy trình công nghệ: Khí thải từ các bể xử lý → Ống thu gom → Quạt hút (Công suất: 600 m^3/giờ) → Tháp hấp thụ bằng NaOH → Khí thải đạt cột C QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và đạt QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Bố trí trạm xử lý nước thải tập trung bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường, có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn theo quy định, lắp đặt hệ

thống xử lý khí thải tại khu vực trạm xử lý nước thải bảo đảm đạt cột C QCVN 19:2024/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và đạt QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí; trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực trạm xử lý nước thải, bảo đảm khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Đất hữu cơ bóc tách bề mặt đất trồng lúa được sử dụng, quản lý theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ *"Quy định chi tiết về đất trồng lúa"*, sử dụng trồng cây xanh tại dự án.

+ Chất thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại rác tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa, lưu giữ tạm thời; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Chất thải xây dựng: Tổ chức phân loại theo quy định; đối với chất thải xây dựng có thể tái chế, tái sử dụng, ký hợp đồng để chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực về thu gom, tái chế, tái sử dụng theo quy định; đối với chất thải xây dựng khác (trạc, gạch vỡ, xi măng đóng cặn, …), không thuộc danh mục chất thải nguy hại và chất thải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu theo TCVN 13946:2024 - Vật liệu san lấp tái chế từ phế thải phá dỡ công trình được tận dụng để san lấp mặt bằng với các biện pháp làm nhỏ, đầm nén phù hợp khi thi công; đối với chất thải xây dựng không có khả năng tái chế, tái sử dụng, san lấp sẽ được chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình, đơn vị quản lý nhà văn hóa phân loại tại nguồn, lưu giữ riêng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý. Tại các khu vực công cộng, khu hạ tầng kỹ thuật, đơn vị quản lý dự án bố trí đủ các thùng chứa rác công cộng, thực hiện quét dọn, vệ sinh môi trường, chuyển giao rác thải cho đơn vị có chức năng của địa phương thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung,... Đơn vị quản lý dự án chịu trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có năng lực để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại

nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của dự án vào đúng vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại trên công trường thi công xây dựng, đảm bảo đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường; Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Các hộ gia đình tự phân loại chất thải nguy hại phát sinh với các loại chất thải rắn sinh hoạt khác, tự lưu giữ và định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom theo thông báo, không vứt chất thải nguy hại cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối với trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải: Đơn vị quản lý vận hành bố trí khu lưu tạm thời, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn đảm bảo mức ồn nằm trong giới hạn cho phép, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công; hạn chế thi công đồng thời các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung để giảm thiểu sự cộng hưởng, xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, tránh thi công vào giờ cao điểm.

- Giai đoạn vận hành: Lắp đặt thiết bị chống ồn, rung; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc của Trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải; trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý nước thải có bề rộng tối thiểu đảm bảo theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường

trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư.

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Số điểm giám sát: 02 điểm.

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí giáp khu dân cư phía Nam và 01 điểm tại vị trí giáp với khu dân cư phía Đông.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO_2, NO_2, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: Khi có ý kiến của người dân.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- Giám sát nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; các Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành trạm xử lý nước thải bảo đảm đạt QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, Bảng 1, cột A, $F \leq 2.000$ m^3/ngày đêm; vận hành hệ thống xử lý nước thải, mùi bảo đảm đạt cột C QCVN 19:2024/ BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường sau:

- Phối hợp với các cấp có thẩm quyền của địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, thuê đất theo quy định.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới các địa bàn thi công và công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, các công trình hiện hữu và đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư khu vực Dự án và lân cận trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ Dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, tài nguyên nước, bảo vệ nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, rà phá bom mìn; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án để ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng, vận hành Dự án, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công xây dựng, vận hành Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của Dự án đến các hoạt động giao thông và áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp đảm bảo việc đổ thải phế thải xây dựng, bùn, đất đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; phục hồi cảnh quan môi trường khu vực tạm chiếm dụng ngay sau khi kết thúc thi công và thực hiện cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong Dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.